

GIỮA HỌC KÌ I

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT, KTCB:

Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước.

- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân; cơ cấu kinh tế và chỉ số HDI.
- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.
- Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về KT-XH của các nhóm nước.

Bài 2. Toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế

- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.
- Phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới.
- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hóa kinh tế.
- Phân tích được ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới.

Bài 3. Một số tổ chức khu vực và quốc tế

- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế.
- Liên hệ vai trò của Việt Nam khi tham gia các tổ chức khu vực và quốc tế.

Bài 4. Thực hành: Tìm hiểu về Toàn cầu hóa, khu vực hóa

- Phân tích số liệu về toàn cầu hóa và khu vực hóa.
- Cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.

Bài 5. Một số vấn đề an ninh toàn cầu

Một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình

Bài 6. Thực hành: Viết báo cáo về nền kinh tế tri thức

Đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

Bài 7. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Mỹ La – tỉnh

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lý và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Trình bày được vấn đề đô thị hóa, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lý khu vực Mỹ Latinh.
- Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.

B. LUYỆN TẬP

Phần I. TNKQ

I. CÂU HỎI TNKQ NHIỀU LỰA CHỌN:

Câu 1. Các chỉ tiêu thường được sử dụng để phân chia các nước theo trình độ phát triển kinh tế **không** bao gồm:

- A. tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người. B. cơ cấu ngành kinh tế.
C. chỉ số phát triển con người. D. chỉ số tiêu thụ điện năng.

Câu 2. Chỉ số phát triển con người (HDI) **không** phản ánh chỉ tiêu nào sau đây?

- A. sức khỏe. B. khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật.
C. giáo dục. D. thu nhập của con người.

Câu 3. Dựa vào GNI/người năm 2020, WB đã chia các nước thành các nhóm:

- A. thu nhập cao, thu nhập khá, thu nhập trung bình, thu nhập thấp.
B. thu nhập rất cao, thu nhập cao, thu nhập trung bình, thu nhập thấp.
C. thu nhập rất cao, thu nhập khá, thu nhập trung bình, thu nhập kém.
D. thu nhập cao, thu nhập trung bình cao, thu nhập trung bình thấp, thu nhập thấp.

Câu 4. Trong cơ cấu kinh tế ở nhóm các nước phát triển thì chiếm tỉ trọng cao nhất là?

- A. ngành nông nghiệp. B. ngành công nghiệp.
C. ngành dịch vụ. D. thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm)

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây thường gặp ở các nước đang phát triển?

- A. Thu nhập bình quân theo đầu người cao.
B. Tốc độ tăng trưởng kinh tế rất nhanh.
C. Tuổi thọ trung bình của dân cư còn thấp.
D. Tỉ trọng ngành dịch vụ rất cao trong cơ cấu GDP.

Câu 6. Hình ảnh nào sau đây là biểu tượng của tổ chức thương mại Thế giới ?

A.



B.



C.



D.



Câu 7. Nhóm nước phát triển và nước đang phát triển khác nhau chủ yếu do

- A. Đặc điểm tự nhiên và dân cư, xã hội.
B. Tài nguyên thiên nhiên và cơ cấu ngành kinh tế.
C. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội.
D. Tốc độ phát triển của nền kinh tế.

Câu 8. Biểu hiện nào sau đây **không** phải là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Chiến tranh xảy ra trên toàn cầu.
B. Tăng nhanh thương mại quốc tế.
C. Phát triển các hệ thống tài chính quốc tế.
D. Tăng cường vai trò của các công ty đa quốc gia.

Câu 9. Các hoạt động nào sau đây hiện nay thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài?

- A. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. B. Nông nghiệp, thủy lợi, giáo dục.
C. Văn hoá, giáo dục, công nghiệp. D. Du lịch, công nghiệp, giáo dục.

Câu 10. Biểu hiện về vai trò của các công ty xuyên quốc gia là

- A. mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới.
B. đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.
C. vai trò của Tổ chức Thương mại Thế giới ngày càng lớn.
D. các công ty xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rộng.

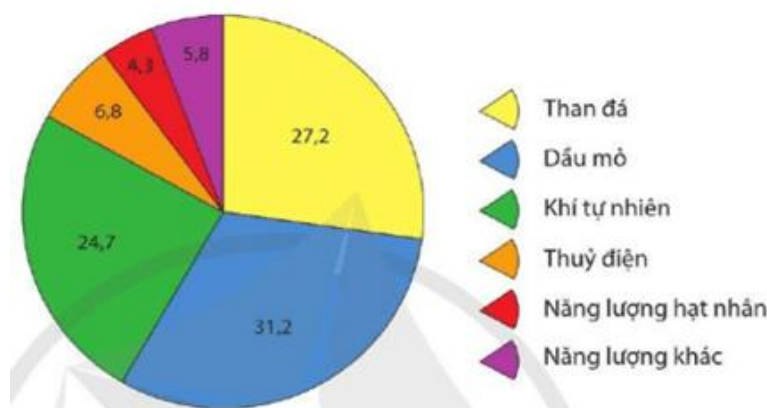
Câu 11. ISO 9001, ISO 27701, Fair Trade, EER...được áp dụng ngày càng rộng rãi là biểu hiện trực tiếp của

- A. các hợp tác song phương và đa phương được kí kết.
- B. sự mở rộng phạm vi hoạt động của các công ty xuyên quốc gia.
- C. phát triển mạnh mẽ mạng lưới tài chính toàn cầu.
- D. nhiều nước tham gia các tiêu chuẩn toàn cầu trong sản xuất kinh doanh.

Câu 12. MERCOSUR là tên viết tắt của tổ chức khu vực hóa kinh tế nào sau đây?

- A. Thị trường chung Nam Mỹ.
- B. Liên minh châu Âu.
- C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- D. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ.

Dựa vào biểu đồ sau, trả lời từ câu 16 – 17:



CƠ CẤU SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CỦA THẾ GIỚI NĂM 2020 (%)

Câu 13. Theo biểu đồ, cho biết dạng năng lượng nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất?

- A. Than đá.
- B. Dầu mỏ.
- C. Khí tự nhiên.
- D. Thủy điện.

Câu 14. Theo biểu đồ, cho biết dạng năng lượng nào sau đây chiếm tỉ lệ nhỏ nhất?

- A. Thủy điện.
- B. Năng lượng hạt nhân.
- C. Dầu mỏ.
- D. Khí tự nhiên.

Câu 15. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các nước đã nhanh chóng nắm bắt được cơ hội nào dưới đây nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Nhận chuyển giao các công nghệ lỗi thời, gây ô nhiễm.
- B. Đón đầu được công nghệ hiện đại và áp dụng vào sản xuất.
- C. Mở rộng thị trường buôn bán với nhiều nước trên thế giới.
- D. Phá bỏ hàng rào thuế quan, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.

Câu 16. Hệ quả tích cực của khu vực hoá kinh tế **không** phải là

- A. thúc đẩy sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.
- B. tăng cường tự do hoá thương mại các nước trong khu vực.
- C. góp phần bảo vệ lợi ích kinh tế các nước thành viên.
- D. gia tăng sức ép tính tự chủ về quyền lực của mỗi nước.

Câu 17. Tính đến tháng 1/2020, Tổ chức Thương mại Thế giới có tất cả bao nhiêu thành viên?

- A. 164.
- B. 150.
- C. 162.
- D. 153.

Câu 18. Diễn đàn hợp tác châu Á - Thái Bình Dương viết tắt là

- A. EU.
- B. APEC.
- C. NAFTA.
- D. WTO.

Câu 19. Mục tiêu hàng đầu của Liên hợp quốc là

- A. duy trì một nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững.
- B. giải quyết và ngăn ngừa xung đột, viện trợ nhân đạo.
- C. thúc đẩy dân chủ, ổn định tiền tệ và phát triển kinh tế.
- D. bảo vệ môi trường, nhân quyền, phát triển bền vững.

Câu 20. Trụ sở của Liên hợp quốc đặt ở quốc gia nào sau đây?

- A. Liên bang Nga.
- B. Anh.
- C. Trung Quốc.
- D. Hoa Kỳ.

Câu 21. Việt Nam gia nhập tổ chức nào sau đây muộn nhất?

- A. UN.
- B. APEC.
- C. WTO.
- D. IMF.

Câu 22. Biện pháp nào sau đây **không** được sử dụng để mỗi quốc gia chủ động đảm bảo an ninh lương thực quốc gia?

- A. Đẩy mạnh việc sản xuất lương thực. B. Bình ổn giá lương thực trong nước.
C. Ưu tiên thương mại hàng thực phẩm. D. Tích cực giữ nước, tạo thương hiệu.

Câu 23. Nhận định nào sau đây **không** đúng với hoạt động chính của Quỹ Tiền tệ Quốc tế?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm sự ổn định của hệ thống tiền tệ quốc tế.
B. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu, cung cấp các khoản vay cho nước nghèo.
C. Hỗ trợ kỹ thuật, giúp đỡ tài chính giảm nghèo cho các quốc gia khi có yêu cầu.
D. Duy trì nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi, minh bạch và tạo ra việc làm.

Câu 24. Hiện nay, thế giới phụ thuộc chủ yếu vào năng lượng

- A. hạt nhân. B. tái tạo. C. hóa thạch. D. thủy điện.

Câu 25. Ủy hội sông Mê Công **không** có quốc gia nào sau đây?

- A. Mi-an-ma. B. Thái Lan. C. Cam-pu-chia. D. Việt Nam.

Câu 26. Tình trạng mất an ninh lương thực chủ yếu tập trung ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Á. B. Châu Phi. C. Châu Âu. D. Châu Mỹ.

Câu 27. Lĩnh vực nào sau đây thuộc an ninh truyền thống?

- A. Chiến tranh cục bộ. B. An ninh lương thực.
C. An ninh kinh tế. D. Biến đổi khí hậu.

Câu 28. Các cuộc xung đột ở thế kỉ XX liên quan nhiều đến vấn đề nào sau đây?

- A. An ninh năng lượng. B. Thiếu nguồn nước.
C. Tranh giành đất đai. D. Xung đột tộc người.

Câu 29. Ở Mỹ Latinh, rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng A-ma-dôn. B. Vùng núi An-đét.
C. Đồng bằng La Pla-ta. D. Đồng bằng Pam-pa.

Câu 30. Vùng núi An-đét có tiềm năng lớn về

- A. khoáng sản, thủy điện và du lịch. B. thủy sản, khoáng sản và lâm sản.
C. nông sản, lâm sản và công nghiệp. D. thủy điện, vận tải và công nghiệp.

II. CÂU HỎI TNKQ ĐÚNG/SAI

Câu 1. Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Toàn cầu hóa thúc đẩy chuyên môn hóa, hợp tác hóa, tăng trưởng nhanh kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển chuỗi liên kết toàn cầu. Toàn cầu hóa làm gia tăng các mối quan hệ, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực, mở ra nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi, những thành tựu của khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại. Toàn cầu hóa làm xuất hiện và nhân rộng các mạng lưới liên kết.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo và đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết như: giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững tính tự chủ quốc gia về kinh tế.”

(Trích SGK – Cánh diều trang 10– NXB Đại học Sư phạm)

- a. Toàn cầu hóa tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức.
b. Các nước ứng dụng khoa học công nghệ và tri thức cao vào phát triển kinh tế, hướng tới phát triển xanh và bền vững.
c. Toàn cầu hóa làm cho các nước nghèo có nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế.
d. Toàn cầu hóa làm mất dần bản sắc văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa truyền thống bị biến mất.

Câu 2. Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực tạo nên động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, tăng cường tự do hóa thương mại, đầu tư dịch vụ giữa các quốc gia và giữa các khu vực với nhau. Lợi ích kinh tế của các nước thành viên được đảm bảo trong các tổ chức khu vực. Khu vực hóa thúc đẩy quá trình mở cửa của thị trường ở các quốc gia, tạo lập những thị trường khu vực

rộng lớn, là nền tảng cho quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới. Tuy nhiên xu hướng khu vực hóa kinh tế đặt ra không ít vấn đề như tính tự chủ về kinh tế, vấn đề cạnh tranh giữa các khu vực,..."

(Trích SGK- CTST trang 17 NXB GD Việt Nam)

- a. Khu vực hóa kinh tế là động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- b. Khu vực hóa hướng đến đảm bảo cùng nhau phát triển bền vững.
- c. Mỗi quốc gia chỉ tham gia một tổ chức liên kết kinh tế khu vực.
- d. Liên kết kinh tế khu vực để tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường.

Câu 3. Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

"Tình trạng khủng hoảng an ninh lương thực là vấn đề toàn cầu và đang có xu hướng gia tăng. Năm 2020 trên toàn thế giới có 345 triệu người ở 82 quốc gia bị thiếu lương thực. Trong đó châu Phi là khu vực có tình trạng khủng hoảng an ninh lương thực cao nhất trên thế giới và đang có xu hướng gia tăng nhanh nhất."

- a. An ninh lương thực là sự đảm bảo đủ lương thực cung cấp cho người dân, đẩy lùi nạn đói và giảm sự phụ thuộc vào nguồn lương thực nhập khẩu.
- b. Chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh là nguyên nhân làm khủng hoảng an ninh lương thực thế giới.
- c. Châu Phi do điều kiện tự nhiên không thuận lợi nên việc sản xuất lương thực khó khăn.
- d. Sự gia tăng dân số nhanh làm cho tình trạng thiếu lương thực trên thế giới ngày càng trầm trọng.

Câu 4. Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

"Tính đến năm 2020 trên thế giới có khoảng 80.000 công ty xuyên quốc gia với hơn 500.000 chi nhánh. Các công ty xuyên quốc gia chi phối và kiểm soát trên 80% thương mại thế giới, 4/5 nguồn vốn đầu tư trực tiếp ở nước ngoài, 9/10 kết quả nghiên cứu chuyển giao công nghệ trên thế giới." Các công ty xuyên quốc gia:

- a. Tác động mạnh mẽ đến việc hình thành và vận hành chuỗi cung ứng toàn cầu.
- b. Khai thác tốt hơn các lợi thế so sánh của các nước đang phát triển.
- c. Các nước đang phát triển bị cạnh tranh khốc liệt về thị trường.
- d. Các công ty xuyên quốc gia chủ yếu tham gia lĩnh vực tài chính, công nghệ.

Câu 5. Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

Các nước đang phát triển có tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số đang có xu hướng giảm nhưng ở một số quốc gia còn cao. Phần lớn các nước đang phát triển có cơ cấu dân số trẻ và đang già hóa. Tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, song tỷ lệ dân hình thị chưa cao. Chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao, trung bình và thấp. Tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên đang tăng dần. Các dịch vụ y tế, giáo dục đang dần được cải thiện.

- a. Sự khác biệt giữa nhóm nước đang phát triển và phát triển về xã hội là cơ cấu dân số già, tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp.
- b. Quá trình đô thị của nhóm các nước đang phát triển diễn ra với có tốc nhanh, tỉ lệ dân thành thị rất cao.
- c. Về xã hội 1 số các quốc gia thuộc nhóm nước đang phát triển có chỉ số hạnh phúc cao.
- d. Để giải quyết vấn đề thiếu việc làm, xuất khẩu lao động là 1 trong những giải pháp ở nhóm nước đang phát.

III. CÂU HỎI TNKQ TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Cho Bảng số liệu sau:

Trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới giai đoạn 2000 -2020

(Đơn vị: Tỉ USD)

Tiêu chí\ năm	2000	2020
Xuất Khẩu	7 961,7	22 594,7
Nhập Khẩu	7 927,2	21 949 6
Tổng	15 888,9	44 644,3

(Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2022)

Tỉ trọng xuất khẩu của thế giới năm 2020 là bao nhiêu? (Làm tròn đến một chữ số thập phân)

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, giá trị GDP toàn thế giới, giai đoạn 1990 -2020
(Đơn vị: Tỉ USD)

Tiêu chí\ năm	1990	2000	2010	2020
Tổng trị giá XN khẩu	8 766,0	16 038,5	37 917,9	44 071,3
Giá trị GDP	22 779,9	33 830,8	66 596,0	84 906,8

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Tốc độ tăng trưởng của GDP năm 2020 so với năm 1990 là bao nhiêu (%) – (Làm tròn đến hàng đơn vị)

Câu 3. Năm 2000 tổng vốn đầu tư nước ngoài vào các nước đạt 1,4 tỉ USD, năm 2021 đã lên đến 1,6 000 tỉ USD. Vậy năm 2021 tổng vốn đầu tư nước ngoài so với năm 2000 gấp bao nhiêu lần? (làm tròn đến hàng đơn vị)

Câu 4:. Năm 2021 tổng GDP Ca- na đa là 1990,8 tỉ USD, dân số 37 triệu người. tính GDP/người Ca na đa năm 2021 (đơn vị : nghìn USD/ người / năm)?

Câu 5. Năm 2021 thế giới có khoảng 2,3 tỉ người bị đói thiếu dinh dưỡng, chiếm 29,3% dân số thế giới. Vậy dân số thế giới năm 2021 bao nhiêu tỉ người (làm tròn đến hàng phần trăm)?

Phần II. TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày về các tổ chức quốc tế: WTO, IMF, APEC, UN.

Câu 2. Trình bày về các vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay.

Câu 3. Trình bày quan niệm, đặc điểm, biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

Câu 4. Phân tích ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển kinh tế của Mỹ La- tinh.

Thực hành

Dạng 1. Đọc bản đồ tự nhiên/kinh tế - xã hội.

Dạng 2. Vẽ và nhận xét biểu đồ.

KẾT THÚC HỌC KÌ I

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT, KTCB:

Bài 9. EU – một liên kết kinh tế khu vực lớn. Vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.

- Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.
- Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Vẽ được biểu đồ, nhận xét.
- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của EU, hệ thống hóa và trình bày theo chủ đề.

Bài 10. Thực hành: Viết báo cáo về công nghiệp Cộng hòa Liên bang Đức

Công nghiệp của Cộng hòa Liên bang Đức (CHLB Đức).

Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Đông Nam Á

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.
- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

Bài 12. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

- So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hóa; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.
- Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

Bài 13. Thực hành: Tìm hiểu hoạt động du lịch và kinh tế đối ngoại của khu vực Đông Nam Á

Vẽ được biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích bảng số liệu và truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.

B. LUYỆN TẬP

Phần I. TNKQ

I. CÂU HỎI TNKQ NHIỀU LỰA CHỌN:

Câu 1. Thời điểm được coi là năm ra đời của Liên minh Châu Âu là

- A. 1957 B. 1967 C. 1994 D. 1989

Câu 2. Trụ sở hiện nay của liên minh châu Âu được đặt ở

- A. Brusxen (Bỉ). B. Béc- lin (Đức) C. Pari (Pháp). D. Matxcova (Nga).

Câu 3. Trong các nước sau, nước nào **không** phải là thành viên của EU

- A. Thụy Sĩ. B. Đức. C. Ba Lan. D. Bỉ.

Câu 4. Vào năm 2016, nước nào sau đây tuyên bố rời khỏi EU?

- A. Pháp. B. Đức. C. Anh. D. Thụy Điển.

Câu 5. Tính từ năm 2004 đến nay, liên minh châu Âu được mở rộng sang hướng nào là chính?

- A. Xuống phía Nam. B. Sang phía Đông.
C. Sang phía Tây. D. Lên phía Bắc.

Câu 6. Bốn mặt tự do lưu thông trong liên minh châu Âu là

- A. tự do di chuyển, lưu thông dịch vụ, hàng hóa, tiền vốn.
B. tự do trao đổi thông tin, đi lại, hàng hóa, tiền vốn.
C. tự do trao đổi người, hàng, vốn, tri thức.
D. tự do di chuyển, giao thông vận tải, thông tin, buôn bán.

Câu 7. Euro với tư cách là đồng tiền của EU đã được đưa vào giao dịch thanh toán từ khi nào?

- A. Năm 1999. B. Năm 2001. C. Năm 2002. D. Năm 2004.

Câu 8. Theo hiệp ước, một chiếc máy bay do Pháp sản xuất khi xuất khẩu sang Hà Lan

- A. cần giấy phép của chính phủ Hà Lan.
B. phải nộp thuế cho chính phủ Hà Lan.
C. không phải nộp thuế cho chính phủ Hà Lan.
D. thực hiện chính sách thương mại riêng ở Hà Lan.

Câu 9. Đường hầm giao thông nối nước Anh với Châu Âu đi qua biển nào sau đây?

- A. Biển Địa Trung Hải. B. Biển Măng Sơ. C. Biển Đỏ. D. Biển Đen.

Câu 10. Cơ quan đầu não đứng đầu EU hiện nay là

- A. Các ủy ban chính phủ. B. Hội đồng bộ trưởng.
C. Quốc hội Châu Âu. D. Hội đồng Châu Âu.

Câu 11. Ý nào sau đây **không** là lợi ích của việc sử dụng đồng tiền chung O-rô?

- A. Nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.
B. Thử tiêu những rủi ro khi thực hiện những chuyển đổi ngoại tệ.
C. Việc chuyển giao vốn trong các nước thành viên EU thuận lợi.
D. Phức tạp hóa công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia.

Câu 12. Kinh tế của Liên minh châu Âu hiện nay phụ thuộc nhiều vào

- A. các nước phát triển. B. các nước đang phát triển.
C. hoạt động xuất - nhập khẩu. D. ngành kinh tế mũi nhọn.

Câu 13. Tự do lưu thông ở châu Âu **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Lưu thông hàng hóa. B. Lưu thông con người.
C. Lưu thông vũ khí hạt nhân. D. Lưu thông tiền vốn

Câu 14. Hiện nay giá nông sản của EU thấp hơn so với thị trường thế giới là vì

- A. áp dụng khoa học kỹ thuật. B. EU trợ cấp cho hàng nông sản.
C. sản xuất đa dạng nông sản. D. mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Câu 15.** Nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức là
 A. nguồn lao động. B. tài nguyên. C. vị trí thuận lợi. D. thu hút đầu tư.
- Câu 16.** Liên kết vùng châu Âu được hình thành trên cơ sở nào của các bên tham gia?
 A. Bắt buộc vì yêu cầu cấp thiết của EU. B. Tự nguyện vì lợi ích chung của các bên.
 C. Bắt buộc nhằm tránh nguy cơ xung đột D. Tự nguyện vì mục đích bảo vệ hoà bình.
- Câu 17.** Sinh viên của các nước EU khi tham gia học tập tại nước thành viên đều có quyền lợi
 A. được chế độ đãi ngộ đặc biệt. B. bình đẳng như nước sở tại.
 C. có sự phân biệt đối xử rõ rệt. D. hạn chế quyền tự do đi lại.
- Câu 18.** Khu vực Đông Nam Á có bao nhiêu quốc gia?
 A. 8. B. 10. C. 11. D. 12.
- Câu 19.** Đông Nam Á tiếp giáp với các đại dương nào dưới đây?
 A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. B. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
 C. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. D. Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.
- Câu 20.** Đông Nam Á chia làm 2 bộ phận là
 A. Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo. C. Phía Bắc và phía Nam.
 B. Đông Nam Á đồng bằng và Đông Nam Á miền núi. D. Phía Đông và phía Tây.
- Câu 21.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Á là
 A. khí hậu nóng ẩm, hệ đất trồng phong phú, nhiều sông ngòi.
 B. vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng (trừ Lào)
 C. hoạt động của gió mùa với một mùa đông lạnh thực sự.
 D. địa hình đồi núi chiếm ưu thế và có sự phân hóa của khí hậu.
- Câu 22.** Một trong những hạn chế lớn của lao động các nước Đông Nam Á là
 A. lao động trẻ, thiếu kinh nghiệm. B. thiếu lao động có tay nghề và trình độ cao.
 C. lao động không cần cù, siêng năng. D. thiếu sự dẻo dai, năng động.
- Câu 23.** Các nước Đông Nam Á đều có chung một đặc điểm về tự nhiên là
 A. tất cả đều có tính chất bán đảo. B. nằm chủ yếu trong vùng nội chí tuyến.
 C. tất cả đều giáp biển. D. có khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- Câu 24.** Sông nào dài nhất Đông Nam Á
 A. Mê Công. B. Mê Nam. C. Irawadi. D. Salween.
- Câu 25.** Đông Nam Á biển đảo là khu vực có nhiều động đất và núi lửa vì
 A. nằm trong “vành đai lửa Thái Bình Dương”.
 B. là nơi gặp gỡ của hai vành đai sinh khoáng thế giới.
 C. phần lớn lãnh thổ là quần đảo nên nền đất không ổn định.
 D. tiếp giáp Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương nên có sóng thần hoạt động.
- Câu 26.** Đặc điểm về xã hội nào sau đây **không** thuộc các nước Đông Nam Á?
 A. Đa dân tộc, một số dân tộc phân bố rộng rãi, không theo biên giới quốc gia.
 B. Là nơi giao thoa của các nền văn hóa lớn trên thế giới
 C. Phần lớn các quốc gia theo thiên Chúa giáo và Hồi giáo
 D. Việc phân bố một số dân tộc không theo biên giới gây khó khăn cho việc quản lí, ổn định chính trị.
- Câu 27.** Vì sao việc phát triển giao thông của Đông Nam Á lục địa theo hướng đông - tây gặp khó khăn?
 A. các dãy núi theo hướng Tây Bắc – Đông Nam hoặc Bắc - Nam
 B. việc giao lưu theo hướng Đông - Tây ít đem lại lợi ích hơn.
 C. các dãy núi chủ yếu chạy theo hướng Đông Bắc – Tây Nam
 D. Đông Nam Á lục địa ít giao lưu theo hướng Đông - Tây
- Câu 28.** Cho bảng số liệu: **Tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á.**
 (Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	Phi-lip-pin	Xin – ga – po	Thái lan	Việt Nam
2010	199,6	236,4	340,9	116,3

2018	330,9	364,1	504,9	254,1
------	-------	-------	-------	-------

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia, năm 2018 so với năm 2010?

- A. Thái Lan tăng ít nhất. B. Phi-lip-pin tăng chậm nhất.
C. Việt Nam tăng nhanh nhất. D. Xin – ga – po tăng nhiều nhất.

Câu 29. Ngành nào sau đây đặc trưng cho nông nghiệp Đông Nam Á?

- A. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả. B. Trồng lúa nước.
C. Chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà. D. Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Câu 30. Một trong những hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. Chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu trong nước.
B. Đầu tư mạnh vào công nghiệp khai khoáng.

C. Phát triển các ngành có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao.

D. Ưu tiên phát triển các ngành truyền thống.

Câu 31. Cơ cấu kinh tế Đông Nam Á đang chuyển dịch theo hướng hiện đại hóa biểu hiện ở:

- A. Đóng góp lớn cho GDP chủ yếu là dịch vụ.
B. Kinh tế nông nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng.
C. Từ kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp.
D. Từ kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp và dịch vụ.

Câu 32. Điểm tương đồng về phát triển nông nghiệp giữa các nước Đông Nam Á và Mỹ Latinh là

- A. Thế mạnh về trồng lúa nước.
B. Thế mạnh về chăn nuôi gia súc lớn và gia cầm.
C. Thế mạnh về trồng cây công nghiệp nhiệt đới.
D. Thế mạnh về trồng cây thực phẩm.

Câu 33. Mục tiêu tổng quát của ASEAN là

- A. đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.
B. phát triển kinh tế, giáo dục và tiến bộ xã hội của các quốc gia thành viên.
C. xây dựng ASEAN thành khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất.
D. giải quyết sự khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ từng nước.

Câu 34. Cơ chế hợp tác về phát triển kinh tế trong khối ASEAN **không** phải là

- A. thông qua các diễn đàn, hội nghị. B. thông qua các hiệp ước, hiệp định.
C. thông qua các dự án, chương trình. D. các chuyến thăm nguyên thủ quốc gia.

Câu 35. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA MI-AN-MA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: triệu USD)

Giá trị \ Năm	2015	2018	2019	2020
Xuất khẩu	11432,0	16704,0	18110,0	16806,0
Nhập khẩu	16844,0	19355,0	18607,0	17947,0

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, cho biết Mi-an-ma nhập siêu lớn nhất vào năm nào sau đây?

- A. Năm 2015. B. Năm 2018. C. Năm 2019. D. Năm 2020.

II. CÂU HỎI TNKQ ĐÚNG/SAI:

Câu 1. Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Thế giới vẫn phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu hóa thạch, trong khi đó, trữ lượng và sản lượng một số nguồn năng lượng hóa thạch có xu hướng giảm, đối mặt với nguy cơ cạn kiệt trong tương lai. Hầu hết các khu vực có vị trí chiến lược về năng lượng đặc biệt là dầu mỏ Tây Nam Á, Trung Á, Mỹ Latinh, Bắc Phi, Biển Đông... Là mục tiêu cạnh tranh sức ảnh hưởng của các cường quốc, làm cho vấn đề an ninh năng lượng trở nên phức tạp.”

Để giải quyết vấn đề an ninh năng lượng cần:

- Đẩy mạnh tìm kiếm thăm dò khai thác triệt để các nguồn tài nguyên năng lượng.
- Đầu tư công nghệ phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới.
- Ổn định chính trị, quản lý thị trường xuất khẩu dầu khí thế giới.
- Tăng cường vai trò của các tổ chức quốc tế, đàm phán, đối thoại hợp tác về vấn đề năng lượng.

Câu 2. Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“Tri thức là nhân tố sản xuất quan trọng nhất, đóng góp chính vào sự phát triển của xã hội; lao động trí thức chiếm tỉ lệ cao. Dịch vụ với các ngành cần nhiều tri thức chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế. Công nghệ thông tin và truyền thông có tính chất quyết định. Công nghệ cao, các thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) là động lực chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội. Giáo dục đóng vai trò quan trọng.”

(Trích SGK –Cánh Diều- NXB Giáo dục Việt Nam)

- Giáo dục có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường.
- Sở hữu trí tuệ là nguồn lực quan trọng trong nền kinh tế thị trường.
- Kinh tế tri thức là nền kinh tế mà công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo thay thế hoàn toàn sức lao động của con người.
- Trong nền kinh tế tri thức công nghiệp là ngành đóng góp nhiều nhất vào GDP.

Câu 3. Cho bảng số liệu

GDP CỦA THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022 (Đơn vị: tỉ USD)

Quốc gia	Thế giới	Nhật Bản	Đức	Anh
GDP	84993,8	5040,1	3846,4	2756,9

Theo bảng số liệu trên, những nhận định sau đây là đúng hay sai?

- Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của một số quốc gia trên thế giới năm 2022.
- GDP của Đức năm 2022 chiếm 15 % của thế giới.
- GDP của Anh năm 2022 chiếm 3,24 % trên thế giới.
- Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của một số quốc gia trên thế giới năm 2022.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Quốc gia	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
Trị giá xuất khẩu	258,2	207,0	91,1	22,6
Trị giá nhập khẩu	233,4	185,3	119,2	20,9

(Nguồn: WB năm 2022)

- Ma-lai-xi-a có tổng trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất trong các quốc gia kể trên.
- Thái Lan, Phi-lip-pin và Mi-an-ma là nước nhập siêu.
- Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Mi-an-ma là nước xuất siêu.
- Thái Lan có tổng trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất trong các quốc gia kể trên.

Câu 5. Cho đoạn thông tin sau:

“...EU là một tổ chức kinh tế khu vực có vị trí quan trọng trên thế giới. Mục tiêu của EU là thúc đẩy tự do lưu thông, tăng cường liên kết giữa các quốc gia thành viên về mọi mặt. Việc thúc đẩy thị trường chung châu Âu không chỉ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững và cân bằng của khu vực, từ đó tạo ra cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế và xã hội của toàn bộ EU...”

- Mục đích của thiết lập thị trường chung là tăng cường liên kết giữa các quốc gia thành viên về mọi mặt.
- EU là trung tâm kinh tế đứng thứ 1 thế giới.
- Mặt hàng nhập khẩu của EU chủ yếu là hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị, khoáng sản.
- EU đã thiết lập một thị trường chung với 4 mặt tự do lưu thông: hàng hoá, con người, dịch vụ và tiền vốn.

III. CÂU HỎI TNKQ TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Cho bảng số liệu sau: Giá trị xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của EU năm 2010 và 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2021
Xuất khẩu	5 865	8 670,6
Nhập khẩu	5 633	8016,6

Cán cân xuất nhập khẩu của EU năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD? (Làm tròn đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ LỚN CỦA THẾ GIỚI NĂM 2021

(Đơn vị: Tỉ USD)

Các trung tâm kinh tế	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản	Thế giới
GDP	17177,4	23315,1	17734,1	4940,9	96513,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Tính tỉ trọng GDP của EU so với thế giới năm 2021? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 3. Năm 2021, GDP CHLB Đức chiếm 24,8% GDP của EU, biết GDP của EU là 17177,4 tỉ USD. Tính giá trị GDP của CHLB Đức năm 2021. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2021

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1913,6	181,0	330,3	300,0
Dân số (triệu người)	268,4	16,5	32,8	108,1

(Nguồn: Niên giám thống kê nước ngoài 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo bảng số liệu, tính mật độ dân số của một số của In-đô-nê-xi-a, năm 2021? Làm tròn đến hàng đơn vị.

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của khu vực Đông Nam Á, năm 2000 và 2020

(Đơn vị %)

Năm	Từ 0 -14 tuổi	Từ 15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2000	31,8	63,3	4,9
2020	25,2	67,7	7,1

(Nguồn: WB, 2020)

Dựa vào bảng số liệu hãy cho biết tỉ trọng theo nhóm tuổi từ 15 – 64 tuổi tăng bao nhiêu phần trăm?

Phần II. TỰ LUẬN

Lí thuyết

Câu 1. Trình bày biểu hiện hợp tác, liên kết trong nội khối EU.

Câu 2. Nêu đặc điểm dân cư khu vực Đông Nam Á? Phân tích tác động của dân cư đến phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

Câu 3. Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến sự phát triển Kinh tế - xã hội của khu vực Đông Nam Á.

Câu 4. Phân tích ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển Kinh tế - xã hội của khu vực Đông Nam Á.

Câu 5. So sánh mục tiêu của ASEAN với EU.

Câu 6. Trình bày và giải thích tình hình phát triển dịch vụ ở khu vực Đông Nam Á.

Thực hành

Dạng 1. Đọc lược đồ, biểu đồ.

Dạng 2. Vẽ biểu đồ: BĐ tốc độ tăng trưởng, BĐ cơ cấu...

-----**HẾT**-----